

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2018

V/v Kiện xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Dũng, ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy Toàn – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc “Kiện xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H’J Niê - Sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: 88 Y, P. E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Y P Bkrông - Sinh năm: 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn K, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị H’J Niê trình bày:

Tôi và anh Y P Bkrông tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/10/2005, trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau.

Thời gian sống chung vợ chồng tôi thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Y P Bkrông.

Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là các cháu: H’L Niê – sinh ngày: 16/7/2015 và Y S Niê – sinh ngày: 01/01/2006. Chúng tôi thỏa thuận và

thống nhất giao cháu H'L Niê cho tôi và giao cháu Y S Niê cho anh Y P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Y P Bkrông trình bày:

Tôi và cô H'J Niê tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/10/2005, trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau.

Thời gian sống chung vợ chồng tôi thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn trầm trọng, bản thân tôi bị tai nạn lao động nên không đi lại được, chúng tôi sống ly thân nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn với cô H'J Niê

Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là các cháu: H'L Niê – sinh ngày: 16/7/2015 và Y S Niê – sinh ngày: 01/01/2006. Chúng tôi thỏa thuận và thống nhất giao cháu H'L Niê cho cô H'J Niê và giao cháu Y S Niê cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và các đương đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân gia đình, điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H'J Niê. Chị H'J Niê được ly hôn với anh Y P Bkrông.

Về con chung: Giao cháu H'L Niê - sinh ngày: 16/7/2015 cho chị H'J Niê nuôi dưỡng. Giao cháu Y S Niê - sinh ngày: 01/01/2006 cho anh Y P Bkrông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại Điều 27, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 25/10/2005 chị H’J Niê và anh Y P Bkrông có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk vào, trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, các đương sự cho biết vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hay xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, đoàn thể hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng ly thân không ai quan tâm chăm sóc nhau nữa, các đương sự đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng chị H’J Niê và anh Y P Bkrông không còn nữa, sống ly thân nhau không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyện vọng của chị H’J Niê xin được ly hôn với anh Y P Bkrông là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó cần được chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự thỏa thuận giao cháu H’L Niê - sinh ngày: 16/7/2015 cho chị H’J Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Y S Niê - sinh ngày: 01/01/2006 cho anh H’J Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Mặt khác nguyện vọng của cháu Y S Niê xin được ở với anh Y P Bkrông do đó cần được chấp nhận. Các đương sự được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H’J Niê phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 27, Điều 35, Điều 227 BLTTDS; Áp dụng các Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H’J Niê.

Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị H’J Niê và anh Y P Bkrông

Về con chung: Giao cháu H’L Niê - sinh ngày: 16/7/2015 cho chị H’J Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Y S Niê - sinh ngày: 01/01/2006 cho anh Y P Bkrông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Các đương sự được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

2. Về án phí: Chị H'J Niê phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007417 ngày 12/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- UBND phường Tự An, TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Viết Kiên